

Bản án số: 05/2020/KDTM-PT
Ngày 25- 9 - 2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Võ Bá Lưu

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn

Ông Trần Hữu Sỹ

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2020/TLPT-KDTM ngày 26/6/2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2019/KDTM- ST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1157/2020/QĐ-PT ngày 07/8/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng V.

Địa chỉ: Số 89, Đường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Tuấn A – Phó giám đốc trung tâm pháp luật ngân hàng, SME và cá nhân (theo văn bản ủy quyền số 02/2015/UQ-HĐQT ngày 11/2/2015). Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Tuấn A : Ông Trần Tiến L – Cán bộ xử lý nợ Ngân hàng TMCP V; địa chỉ chi nhánh: 108 Đường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (theo văn bản ủy quyền số 553/2016/UQ-VPB ngày 12/4/2016). Có mặt.

- Bị đơn: Công ty Cổ phần thực phẩm N.

Địa chỉ: Thôn 2, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Đình N – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt lần thứ 2.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị D, sinh năm 1963, địa chỉ: Số 237 đường L, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị D:* Luật sư Lê Văn H, Văn phòng Luật sư V, địa chỉ: 146/01 Đường T, Thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* bà Phan Thị D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 12/6/2015 và quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn Ngân hàng V trình bày:

Công ty Cổ phần thực phẩm N – Chi nhánh Quảng Bình với Ngân hàng V – Chi nhánh Quảng Bình đã ký kết Hợp đồng tín dụng số N 0110121 ngày 17/3/2011; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 05/8/2011 để vay số tiền 1.900.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng; kỳ hạn trả nợ gốc thanh toán toàn bộ nợ gốc cho Ngân hàng một lần vào thời điểm kết thúc thời hạn vay, trả nợ lãi theo định kỳ 01 tháng/ lần vào ngày 25; mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động phục vụ nhà máy sản xuất mì ăn liền; lãi suất trong hạn: 21,0%/năm, điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/ lần, theo mức điều chỉnh bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng bậc thang thấp nhất của bên Ngân hàng đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ: 7,5%/ năm. Lãi suất nợ quá hạn: bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Phạt chậm trả lãi: khoản nợ lãi quá hạn sẽ phải chịu tiền phạt chậm trả lãi bằng 0,05%/ ngày tính trên tổng số tiền lãi chậm trả và số ngày chậm trả, bắt đầu tính từ thời điểm quá hạn cho đến khi bên vay thanh toán hết nợ lãi quá hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên, bà Phan Thị D với Ngân hàng V Quảng Bình đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 0458/11/HĐTCTS ngày 04/8/2011 tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình; số công chứng: 186; đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17/3/2011 để thế chấp tài sản là Quyền sử dụng đất tại thửa số 47, tờ bản đồ số 42, tại xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, thuộc quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 235302 do UBND thành phố Đồng Hới cấp ngày 11/7/2011.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng V đã tiến hành giải ngân số tiền vay theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng; tuy nhiên quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng sau đó, phía Công ty Cổ phần Thực phẩm N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng V kể từ ngày 18/3/2011 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Sau khi chuyển nợ quá hạn, Ngân hàng V Quảng Bình đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện về thời gian, kể cả khi khởi kiện tại Tòa án nhưng Công ty Cổ phần Thực phẩm N và

người thế chấp, bảo lãnh không thực hiện nghĩa vụ. Tạm tính đến ngày 23/5/2019, Công ty Cổ phần Thực phẩm N còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền nợ gốc: 1.900.000.000 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn: 4.326.341.417 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi: 6.226.341.417 đồng. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu:

- Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Thực phẩm N phải thanh toán ngay cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền còn nợ.

- Yêu cầu Tòa án tiếp tục cho tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày Công ty Cổ phần Thực phẩm N thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng V.

- Yêu cầu Tòa án cho kê biên, phát mại tài sản đảm bảo cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Thực phẩm N tại Ngân hàng V để thu hồi nợ.

* Bị đơn Công ty Cổ phần Thực phẩm N trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn đều vắng mặt không có lý do nên không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị D trình bày:

Ông Lê Đình N là giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm N – chi nhánh Quảng Bình có ký kết với Ngân hàng V Quảng Bình, hợp đồng tín dụng số N0110121 ngày 17/3/2011, vay số tiền 1.900.000.000 đồng để kinh doanh. Bản thân bà Phan Thị D là người bà con với ông Lê Đình Nhân nên đã ký Hợp đồng thế chấp số 0458/11/HĐTCTS ngày 04/8/2011 với Ngân hàng V Quảng Bình để bảo lãnh cho ông Lê Đình N vay vốn tại Hợp đồng tín dụng nêu trên, tài sản thế chấp bảo lãnh gồm quyền sử dụng đất tại xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCN QSDĐ) ngày 11/7/2011 đứng tên bà Phan Thị D. Hiện nay, Công ty Cổ phần Thực phẩm N do gặp thiên tai bão số 10 năm 2013 nên dự án do công ty thực hiện tại Quảng Bình bị thiên tai tàn phá, không có khả năng phục hồi để làm việc và trả nợ. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà D có nguyện vọng đề nghị chia đều rủi ro cho cả ba bên gồm Công ty Cổ phần Thực phẩm N, Ngân hàng và người thế chấp là bà D, theo đó mỗi bên chịu 1/3 số tiền nợ gốc, trách nhiệm của bà D chỉ phải thanh toán khoảng 500.000.000 đồng đến 600.000.000 đồng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2019/KDTM-ST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định: Áp dụng Điều 91, 92, 93, 122, 305, 361, 362, 363, 367, 369, 388, 389, 371, 401, 402, 405, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

- Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Thực phẩm N phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng V số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/5/2019, gồm

nợ gốc: 1.900.000.000 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn: 4.326.341.417 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi: 6.226.341.417 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

- Trường hợp bị đơn Công ty Cổ phần Thực phẩm N không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì nguyên đơn Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 0458/11/HĐTCTS ngày 04/8/2011, gồm: Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 42, địa chỉ xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã được UBND thành phố Đồng Hới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 235302 Ngày 11/7/2011 mang tên bà Phan Thị D để thu hồi nợ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24 tháng 4 năm 2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị D có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 0458/11/HĐTCTS ngày 04/8/2011, buộc Ngân hàng hoàn trả cho bà D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuyên hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, anh Phạm Hữu C và chị Phạm Thị Phương T là các con của bà Phan Thị D có đơn trình bày cho rằng anh C, chị T là thành viên hộ gia đình nên cũng được cấp GCN QSDĐ vào ngày 13/01/2003 do UBND thị xã Đồng Hới cấp cho hộ ông, bà Phạm Hữu C, Phan Thị D. Hơn nữa, tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, anh C, chị T được một số người bà con, thân thích trong gia đình cho tiền và vàng để đóng góp vào việc nhận chuyển nhượng đất của gia đình. Năm 2004, ông C chết, không để lại di chúc, tại văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được lập tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình ngày 20/12/2009, anh C chị T chỉ nhường quyền hưởng di sản đối với phần thuộc quyền sử dụng của ông C còn phần của anh C chị T là thành viên hộ gia đình vẫn còn. Việc bà Phan Thị D tự ý đem tài sản chung của hộ gia đình đi thế chấp khi chưa hỏi ý kiến của thành viên hộ gia đình là không đúng, đề nghị hủy hợp đồng thế chấp.

Sau khi thụ lý phúc thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có công văn gửi UBND thành phố Đồng Hới về vấn đề cấp GCN QSDĐ cho hộ ông, bà Phạm Hữu C, Phan Thị D. UBND thành phố Đồng Hới tại văn bản số 1768/UBND-TNMT ngày 24/9/2020 xác nhận theo hồ sơ nhận chuyển nhượng

và cấp GCN QSDĐ không có danh sách các thành viên của hộ gia đình tại thời điểm cấp giấy chứng nhận, không có giấy tờ chứng minh thừa đất là do các thành viên trong hộ gia đình nhận chuyển nhượng và là tài sản của cả hộ gia đình.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị D và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị D: Luật sư Lê Văn H đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xét xử lại do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng khi xác định địa chỉ của bị đơn và bỏ sót người tham gia tố tụng, chưa đánh giá hết các tài liệu, chứng cứ hoặc sửa một phần bản án sơ thẩm, tuyên bố vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba, buộc Ngân hàng hoàn trả cho bà D giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay bà D đang có đơn tố giác tội phạm đến Công an tỉnh Quảng Bình tố giác hành vi của ông Lê Đình N có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản đề nghị Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án chờ kết quả điều tra của cơ quan Công an rồi tiếp tục giải quyết vụ án. Chị Phạm Thị Phụng T có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét công nhận quyền sử dụng đất tại thửa số 47, tờ bản đồ số 42 là tài sản chung của hộ gia đình, hủy hợp đồng thế chấp để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của chị T, anh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử ở cấp phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của các đương sự như nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308, bác toàn bộ kháng cáo của bà Phan Thị D, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Ngày 23 tháng 5 năm 2019 Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới xét xử sơ thẩm vụ án đến ngày 24/4/2020 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị D làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Việc kháng cáo của bà Phan Thị D là quá thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên tại Quyết định số 01/2020/QĐ-PT ngày 11/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã chấp nhận việc kháng cáo quá hạn của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị D. Đơn kháng cáo có nội dung, hình thức đúng quy định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc

thẩm, căn cứ Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án được xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bị đơn Công ty Cổ phần Thực phẩm N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc vắng mặt của đương sự trong trường hợp này, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án với sự vắng mặt của bị đơn.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bà Phan Thị D cho rằng: Tòa án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định: Sau khi xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã không gửi, giao và niêm yết bản án sơ thẩm cho đương sự kịp thời theo đúng thời hạn quy định, vi phạm thủ tục tố tụng cần rút kinh nghiệm. Tuy nhiên, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã có quyết định chấp nhận đơn kháng cáo quá hạn của bà Phan Thị D để phúc xử, do đó không làm hạn chế quyền kháng cáo bản án sơ thẩm và vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

[3]. Về xác định tư cách tham gia tố tụng của bị đơn trong vụ án: Tại đơn khởi kiện ngày 12/6/2015, nguyên đơn Ngân hàng Ngân hàng V khởi kiện đối với người bị kiện là Công ty Cổ phần Thực phẩm N, địa chỉ: Số 63B Đường T phường L, quận H, thành phố Hà Nội. Theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh đăng ký lần đầu ngày 23/01/2011 thì Công ty Cổ phần Thực phẩm N – Chi nhánh Quảng Bình có địa chỉ tại: 104/18 Đường V, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình hoạt động theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Thực phẩm N ở Hà Nội.

Tại thời điểm vay là do chi nhánh thực hiện vay Ngân hàng V trên phương án được Công ty Cổ phần Thực phẩm N ở Hà Nội đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án xác định, Công ty Cổ phần Thực phẩm N đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15/08/2012 tại Phòng Đăng ký kinh doanh tỉnh Quảng Bình: đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính từ Thành phố Hà Nội về tỉnh Quảng Bình, thông tin về chi nhánh là Chi nhánh Cổ phần thực phẩm N, địa chỉ: 104/18 Đường V, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Tại công văn số 89/KHĐT-ĐK ngày 03/9/2020 của Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Quảng Bình xác định việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp không làm thay đổi quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp. Tuy nhiên, theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 4 ngày 17/8/2016 tại Phòng đăng ký kinh doanh tỉnh Quảng Bình thì Công ty Cổ phần Thực phẩm N có địa chỉ tại: Thôn 2, xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình không có Chi nhánh. Như vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định Công ty Cổ phần Thực phẩm N trước đây là Công ty Cổ phần Thực phẩm N – Chi nhánh Quảng Bình là chưa chính xác.

[4]. Đối với nội dung kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định bị đơn vắng mặt là không đúng mà thuộc trường hợp không tìm được địa chỉ của

bị đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, tại đơn khởi kiện và Hợp đồng tín dụng số N 0110121 ngày 17/3/2011 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 05/8/2011 có ghi địa chỉ của Công ty Cổ phần Thực phẩm N – Chi nhánh Quảng Bình tại: 104/18 Đường V, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt văn bản tố tụng đến địa chỉ nói trên thông qua dịch vụ bưu chính nhưng bị chuyển hoàn do không đúng địa chỉ, không có người nhận. Tại giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần 4 ngày 17/8/2016 của Phòng đăng ký kinh doanh tỉnh Quảng Bình thì Công ty Cổ phần Thực phẩm N không có Chi nhánh nữa. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng Ngân hàng V đã cung cấp địa chỉ mới của bị đơn tại Thôn 2 xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, ngoài ra Ngân hàng Ngân hàng V trình bày không nhận được thông báo nào khác về cung cấp địa chỉ mới của bị đơn. Như vậy, căn cứ hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP thì trong trường hợp nếu người bị kiện thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình dấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Vì vậy, nội dung kháng cáo này của bà Phan Thị D không có căn cứ để chấp nhận, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

[5]. Đối với nội dung kháng cáo của bà D đề nghị tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/8/2011 vô hiệu, Hội đồng xét xử thấy, ngày 17/3/2011 Công ty Cổ phần thực phẩm N – Chi nhánh Quảng Bình với Ngân hàng Ngân hàng V Quảng Bình đã ký kết Hợp đồng tín dụng số N 011012, vay số tiền 1.900.000.000đồng. Để đảm bảo cho khoản vay, thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 42, tại thời điểm ký kết hợp đồng GCN QSDĐ mang tên ông Phạm Hữu C và bà Phan Thị D theo Hợp đồng thế chấp số 0073/11/ HĐTCTS ngày 15/03/2011 được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình. Trước đó vào năm 2004, ông Chuyên chết, không để lại di chúc, tại văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế được lập tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Quảng Bình ngày 20/12/2009 (Bút lục 195-197) có nội dung ghi nhận sự thỏa thuận của những người nhận thừa kế như sau: *“Nay chúng tôi nhất trí tặng cho toàn bộ quyền hưởng di sản của chúng tôi cho bà Phan Thị D và sau khi văn bản này được lập bà Phan Thị D được toàn quyền định đoạt tài sản trên”*. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba để vay vốn Ngân hàng giữa bên thế chấp bà Phan Thị D, bên nhận thế chấp Ngân hàng Ngân hàng V Quảng Bình được các bên ký kết vào năm 2011, sau thời điểm lập văn bản thỏa thuận phân chia di

sản thừa kế, do đó bà Phan Thị D được toàn quyền định đoạt tài sản trên, việc Ngân hàng chấp nhận để bà D đứng ra thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay của Công ty Cổ phần N là không có gì sai. Sau khi bà Phan Thị D thực hiện đăng ký biến động nhận thừa kế quyền sử dụng đất và được UBND thành phố Đồng Hới cấp đổi GCN QSDĐ mang tên một mình bà Phan Thị D, giữa Ngân hàng Ngân hàng V và Công ty Cổ phần thực phẩm N – Chi nhánh Quảng Bình đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 0458/11/HĐTCTS ngày 04/8/2011 và phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/8/2011. Hội đồng xét xử xét thấy, tại hợp đồng có đầy đủ chữ ký của các bên, việc ký kết hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, không có căn cứ cho rằng hợp đồng ký kết do giả tạo như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị D.

[6]. Đối với yêu cầu của anh Phạm Hữu C và chị Phạm Thị Phụng T là các con của bà Phan Thị D cho rằng bà D tự ý đem tài sản chung của hộ gia đình đi thế chấp khi chưa hỏi ý kiến của thành viên hộ gia đình là không đúng, đề nghị hủy hợp đồng thế chấp, thấy:

Theo hồ sơ chuyển nhượng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông, bà Phạm Hữu Chuyên, Phan Thị D của UBND thành phố Đồng Hới thì thửa đất số 47, tờ bản đồ số 42, địa chỉ xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình có nguồn gốc từ việc ông Phạm Hữu C nhận chuyển nhượng từ bà Hoàng Thị S vào năm 2002 đã được chứng thực đúng quy định của pháp luật vào năm 2002. Tại biên bản thẩm định chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 07/10/2002 (Bút lục 298) có ghi nội dung: “*Đề nghị UBND thị xã Đồng Hới cấp GCN QSDĐ cho ông, bà Phạm Hữu C, Phan Thị D sau khi thực hiện đủ nghĩa vụ tài chính Nhà nước quy định*”. Căn cứ khoản 3 Điều 713 Bộ luật dân sự năm 1995 thì bên nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với đất được chuyển nhượng. Người nhận chuyển nhượng ở đây chỉ là ông Phạm Hữu C và do tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên có tên của bà Phan Thị D mà không có danh sách các thành viên trong hộ gia đình nhận chuyển nhượng. Hơn nữa, tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất năm 2002 các con của bà D, ông C chưa đủ 15 tuổi (chị T sinh năm 1990, anh C sinh năm 1988), không có căn cứ chứng minh thửa đất nói trên là tài sản của hộ gia đình. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi hộ ông, bà Phạm Hữu C, Phan Thị D xác định người được quyền sử dụng và định đoạt quyền sử dụng đất chỉ là ông Phạm Hữu C, bà Phan Thị D mà không phải là các thành viên khác trong gia đình. Tại Công văn số 1768/UBND-TNMT ngày 24/9/2020 của UBND thành phố Đồng Hới trả lời cho Tòa án cũng nêu rõ vấn đề này (Bút lục 272).

Việc anh Phạm Hữu C, chị Phạm Thị Phượng T là các con của bà D trình bày được một số người bà con, thân thích trong gia đình cho tiền và vàng để đóng góp vào việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của gia đình là quan hệ dân sự giữa bà D và các bên liên quan, không thể hiện trong hồ sơ chuyển nhượng đất giữa ông C bà D và bà Hoàng Thị S. Các bên có quyền yêu cầu bà D hoàn trả số tài sản đã góp bằng một vụ án dân sự khác nếu có căn cứ. Như vậy, việc bà D đã ký hợp đồng thế chấp tài sản để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Cổ phần thực phẩm N mà không cần sự đồng ý của các thành viên trong hộ gia đình là đúng với quy định tại Điều 318 Bộ luật dân sự 2005, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không có căn cứ để tuyên hợp đồng thế chấp tài sản và phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 05/8/2011 vô hiệu.

Từ những phân tích từ mục [1] đến mục [6] Hội đồng xét xử thấy, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng pháp luật, kháng cáo của bà Phan Thị D là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[7] Về án phí phúc thẩm: Bà Phan Thị D kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí tòa án, xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Phan Thị D, giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2019/KDTM-ST ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới:

Áp dụng Điều 91, 92, 93, 122, 305, 361, 362, 363, 367, 369, 388, 389, 371, 401, 402, 405, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005, tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

- Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Thực phẩm N phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng V số tiền còn nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 23/5/2019, gồm nợ gốc: 1.900.000.000 đồng, lãi trong hạn, lãi quá hạn: 4.326.341.417 đồng; tổng cộng cả gốc và lãi: 6.226.341.417 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án

theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số N 0110121 ngày 17/3/2011 và Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐ ngày 05/8/2011.

- Trường hợp bị đơn Công ty Cổ phần Thực phẩm N không trả hoặc trả không đầy đủ số tiền trên thì nguyên đơn Ngân hàng V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số 0458/11/HĐTCTS ngày 04/8/2011, gồm: Quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 47, tờ bản đồ số 42, địa chỉ xã L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình đã được UBND thành phố Đồng Hới cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BG 235302 Ngày 11/7/2011 cho bà Phan Thị D để thu hồi nợ.

2. Về án phí phúc thẩm: Bà Phan Thị D phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 2.000.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0006509 ngày 19/6/2020 tại Chi cục thi hành án thành phố Đồng Hới.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (25/9/2020).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- TAND TP Đồng Hới;
- Chi cục THADS TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Võ Bá Lưu